

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **149/2026/HS-ST**

Ngày: 14/04/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Kim Thanh
Bà Nguyễn Thị Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội, xét xử trực tuyến với đầu cầu Trại tạm giam số 2 – C thụ lý sơ thẩm số 142/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2026. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST-HS ngày 01/04/2026 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN T, sinh năm 2000; CCCD số 036200006348, cấp ngày 15/10/2021, nơi cấp: Cục C1 về TTXH; HKTT và chỗ ở: Thôn C, xã H, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1960; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1967. Bị cáo là con một.

Nhân thân:

- Ngày 30/9/2015 TAND huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường G thời hạn 24 tháng.

- Bản án số 09/2018/HSST ngày 23/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số 16/2018/HSST ngày 30/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành 21 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 09/HSST ngày 23/3/2018 buộc bị cáo phải chấp hành 27 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày 12/02/2018. Ra trại ngày 19/09/2020.

Các bản án trên bị can được xoá án tích theo Điều 107 Bộ luật hình sự do thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo dưới 18 tuổi.

Tiền án, tiền sự:

- Bản án số 20/2021/HSST ngày 27/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 3.600.000 đồng). Hạn tù tính từ ngày 13/01/2021. Ra trại ngày 13/02/2022. Bị cáo chưa được xoá án tích.

- Bản án số 35/2022/HSST ngày 18/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản trên 50.000.000 đồng). Hạn tù tính từ ngày 28/3/2022. Ra trại ngày 28/6/2025. Bị cáo chưa được xoá án tích.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 21/01/2026, tạm giam từ ngày 27/01/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 2 - Công an Thành phố H. *Có mặt tại đầu cầu T tạm giam số 2 – Hà Nội.*

* **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; HKTT: Xóm G, xã X, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở: số A ngõ A phố G, phường B, Hà Nội. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 09h ngày 21/01/2026, chị Nguyễn Thị P đến Công an phường B, Hà Nội trình báo về việc bị mất trộm tiền mặt 10.000.000 đồng và một số đồ trang sức để tại nhà, địa chỉ số A ngõ A phố G, phường B, Hà Nội.

Khoảng 16h00' ngày 21/01/2026 công an phường B kiểm tra hành chính nhà trọ số A phố N phát hiện tại phòng 204 có nam thanh niên tên Nguyễn Văn T2 không xuất trình được giấy tờ tùy thân, đồng thời phát hiện trong phòng trọ có một số đồ trang sức giống với đặc điểm trang sức mà chị P miêu tả bị mất trộm nên đã yêu cầu T2 về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra Trần Văn T khai: Khoảng 14h00' ngày 20/01/2026 T đi bộ từ phòng trọ trên đến khu vực phố G, phường B, Hà Nội mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến số nhà A ngõ A phố G, phát hiện cửa nhà không khoá nên T đẩy cửa đi vào trong, thấy không có người ở nhà. T lục túi áo trên cánh cửa nhưng không có tài sản. T tiếp tục lục hộp nhựa trong góc phòng thấy có 02 bao lì xì màu đỏ bên trong có tiền nên cất 02 bao lì xì trên vào túi quần bên trái. T tiếp tục lấy trong hộp nhựa số tài sản gồm: 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng, 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng đính đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn hình tròn màu vàng trên bề mặt đính đá màu đỏ, 01 chiếc dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt hình cầu đính đá màu trắng rồi đi về nhà trọ. Tại đây T mở 02 bao lì xì vừa trộm cắp, đếm được tổng số tiền 6.300.000 đồng (gồm nhiều mệnh giá khác nhau). Số tiền trên T đã chi tiêu cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an Thành phố H ra quyết định xử lý vật chứng trao trả 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng, 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng đính đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn hình tròn màu vàng trên bề mặt đính đá màu đỏ, 01 chiếc dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt hình cầu đính đá màu trắng cho chị P. Chị P đã nhận lại tài sản, yêu cầu T phải bồi thường cho chị số tiền 18.000.000 đồng (bao gồm 10.000.000 đồng tiền bị mất và 8.000.000 đồng giá trị của chiếc mặt dây chuyền hình trái tim bằng vàng không thu hồi được).

Tại bản kết luận giám định số 792/KL-KTHS ngày 11/02/2026 của V, Bộ C2 kết luận:

- 01 (một) đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng có gắn các viên vật liệu không màu có tổng khối lượng 1,78 gam (tính cả vật liệu), trong đó:

- + Phần kim loại đều là hợp kim đồng (Cu), kẽm (Zn), hàm lượng trung bình: Cu: 69,12%, Zn: 30,88%. Kim loại có màu vàng do được mạ vàng (Au).

- + Các viên vật liệu không màu gắn trên đôi khuyên tai đều là đá CZ.

- 01 (một) chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng có gắn vật liệu màu đỏ và các viên vật liệu không màu có tổng khối lượng 2,03 gam (tính cả vật liệu), trong đó:

- + Phần kim loại đều là hợp kim đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình: Cu 66,58%, Zn 33,42%. Kim loại có màu vàng do được mạ vàng (Au).

- + Vật liệu màu đỏ là thủy tinh.

- + Các viên vật liệu không màu gắn trên khuyên tai đều là đá CZ.

- 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng có gắn vật liệu màu đỏ và các viên vật liệu không màu có tổng khối lượng 2,71 gam (tính cả vật liệu), trong đó :

- + Phần kim loại đều là hợp kim đồng (Cu), kẽm (Zn), hàm lượng trung bình: Cu 69,51%, Zn 30,49%. Kim loại có màu vàng do được mạ vàng (Au).

- + Vật liệu màu đỏ là thủy tinh.

- + Các viên vật liệu không màu gắn trên nhẫn đều là đá CZ.

- 01 (một) dây chuyền kim loại màu vàng, mặt dây chuyền kim loại màu vàng có gắn các viên vật liệu không màu có tổng khối lượng 6,31 gam (tính cả vật liệu), trong đó:

- + Dây chuyền kim loại màu vàng có khối lượng 2,98 gam là hợp kim đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình: Cu 82,26 %, Zn 17,74 %. Dây chuyền có màu vàng do được mạ vàng (Au).

- + Mặt dây chuyền có tổng khối lượng 3,33 gam (tính cả vật liệu) là hợp kim đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng trung bình: Cu 66,21%, Zn 33,79%.

- + Các viên vật liệu không màu gắn trên mặt dây chuyền đều là đá CZ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 05/KLHĐĐGTS ngày 03/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự phường B kết luận:

- Toàn bộ giá trị của số tài sản vàng mỹ ký Cơ quan điều tra thu giữ tại thời điểm định giá ngày 20/01/2026 trị giá 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

- 01 (một) mặt dây chuyền hình trái tim, nửa chỉ vàng không đủ điều kiện về thông tin chủng loại, hóa đơn mua bán... các thông tin cần thiết để tiến hành định giá tài sản. Tổng trị giá tài sản Trần Văn T trộm cắp được xác định là: 6.640.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị hại chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và trình bày trong đơn nội dung: Tại cơ quan điều tra chị đã yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 18.000.000 đồng là giá trị tài sản chị bị mất nhưng nay chị được biết bị cáo T có nhân thân xấu, có nhiều tiền án, tiền sự, từ năm 2015 đến nay liên tục đi giáo dưỡng và đi tù, khả năng bồi thường dân sự cho chị là rất khó nên chị xin rút yêu cầu bồi thường dân sự, không yêu cầu T phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào, coi như chị làm phúc cho T, mong T ra tù làm ăn lương thiện. Về hình phạt, chị P đề nghị Tòa án xét xử đúng người, đúng tội đối với T để làm gương cho những kẻ phạm tội khác.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn T mức án từ 36 tháng đến 42 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2026.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về dân sự: Chị P đã rút yêu cầu nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị buộc truy thu của bị cáo T 6.300.000 đồng.

- Ngoài ra, còn đề xuất xử lý về tiền án phí.

Nói lời sau cùng, bị cáo Trần Văn T đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, hứa không tái phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về phụng dưỡng bố mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác đã khai báo và xuất trình các tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] *Về tội danh:* Xét lời khai nhận của bị cáo Trần Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, cùng các

tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14h ngày 20/01/2026 tại số nhà A ngõ A phố G, phường B, Hà Nội, Trần Văn T có hành vi trộm cắp tài sản số tiền 6.300.000 đồng và 01 đôi khuyên tai bằng kim loại màu vàng có đính đá màu trắng, 01 chiếc khuyên tai bằng kim loại màu vàng đính đá màu đỏ, 01 chiếc nhẫn hình tròn màu vàng trên bề mặt đính đá màu đỏ, 01 chiếc dây chuyền bằng kim loại màu vàng có mặt hình cầu đính đá màu trắng (đều là vàng mỹ ký) trị giá 340.000 đồng của chị Nguyễn Thị P. Tổng giá trị tài sản Trần Văn T chiếm đoạt là 6.640.000 đồng (*Sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Bị cáo có hai tiền án chưa được xóa: Bản án số 20/2021/HSST ngày 27/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hạn tù tính từ ngày 13/01/2021. Ra trại ngày 13/02/2022; Bản án số 35/2022/HSST ngày 18/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hạn tù tính từ ngày 28/3/2022. Ra trại ngày 28/6/2025. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự, lần phạm tội này của bị cáo được tính là tái phạm nguy hiểm. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã từng bị kết án về cùng một loại tội nhưng không tiếp thu sự giáo dục, cải tạo của cơ quan pháp luật, phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình bị cáo là con duy nhất, bố mẹ đã cao tuổi, số tiền chiếm đoạt không nhiều nên cho bị cáo được hưởng mức đầu khung của hình phạt bị truy tố để bị cáo sớm có cơ hội sửa sai, trở về lao động, giúp đỡ, chăm sóc cha mẹ thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] *Hình phạt bổ sung:* Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:*

Ghi nhận sự tự nguyện của người bị hại chị Nguyễn Thị P rút yêu cầu đòi bồi thường dân sự, không yêu cầu bị cáo T phải hoàn lại tiền đã mất nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Hà Nội đề nghị về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị truy thu số tiền 6.300.000 đồng của bị cáo T, HĐXX thấy rằng tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự quy định “*Đối với vật tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp*”. Chị P là chủ sở hữu số tiền trên nhưng sau khi biết nhân thân và hoàn cảnh của T nên chị làm phúc cho T, không yêu cầu đòi T phải trả bất cứ khoản tiền nào do vậy căn cứ quy định tại Điều 161 Bộ luật dân sự thì kể từ thời điểm chị P đồng ý cho T số tiền bị cáo đã chiếm đoạt thì T được quyền sở hữu số tiền nêu trên. Đây là thỏa thuận tự nguyện không trái pháp luật nên cần ghi nhận mà không buộc T phải truy thu 6.300.000 đồng vào ngân sách Nhà nước là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng nhân văn của người bị hại.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 24 (Hai mươi tư) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày 21/01/2026.

2. Án phí : Căn cứ khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 bộ luật Tố tụng Hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân

- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5-Hà Nội;
- Phòng PV 06 – CA. TP Hà Nội;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 5-Hà Nội;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP/TA

Lê Thị Huyền